

**LIÊN NGÀNH:
SỞ Y TẾ - BẢO HIỂM XÃ HỘI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /LN-SYT-BHXH

Kon Tum, ngày 29 tháng 10 năm 2021

V/v quy định một số nội dung về
công tác khám bệnh, chữa bệnh
bảo hiểm y tế năm 2022

Kính gửi:

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ chỉ huy Sư đoàn 10;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Công ty TNHH một thành viên 78 - Binh đoàn 15;
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh;
- Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng;
- Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố;
- Bệnh viện dã chiến số 1 tỉnh Kon Tum;
- Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An;
- Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Kon Tum;
- Phòng khám Đa khoa & Tiêm chủng Hạnh Tâm;
- Bảo hiểm xã hội các huyện.

Căn cứ Luật bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là Nghị định 146/2018/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi là Thông tư số 14/2014/TT-BYT);

Căn cứ Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (sau đây gọi là Thông tư số 40/2015/TT-BYT);

Liên ngành Sở Y tế - Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Kon Tum quy định một số nội dung về khám bệnh, chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT) năm 2022, cụ thể như sau:

I. ĐĂNG KÝ KCB BHYT BAN ĐẦU

1. Đối với thành phố Kon Tum

- Người tham gia BHYT được đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum gồm:

+ Đối tượng cùng tham gia BHXH, BHYT đang công tác tại các cơ quan, đơn vị khối hành chính, sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đóng chân trên địa bàn thành phố Kon Tum (trừ Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum).

+ Đối tượng hưu trí, người có công với cách mạng, người từ đủ 80 tuổi trở lên và đối tượng bảo trợ xã hội.

+ Đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi đang cư trú trên địa bàn phường Quang Trung và Duy Tân.

+ Học sinh Trường Tiểu học thực hành sư phạm Ngụy Như Kon Tum.

+ Đối tượng tham gia BHYT theo hộ gia đình đang cư trú tại Tổ dân phố 10, 12, 13 và 14 thuộc phường Quyết Thắng

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An gồm:

+ Đối tượng cùng tham gia BHXH, BHYT tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đóng chân trên địa bàn thành phố Kon Tum (*trừ các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn phường Quyết Thắng và Duy Tân*).

+ Đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi đang cư trú trên địa bàn phường Thắng Lợi.

+ Học sinh Trường Trung học phổ thông (THPT) Kon Tum.

+ Đối tượng tham gia BHYT theo hộ gia đình đang cư trú tại Tổ dân phố 8, 9, 10, 13, 14, 15 và thôn Plei Đôn, thôn Plei Tonghia thuộc phường Quang Trung.

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh xá Sư đoàn 10 gồm:

+ Đối tượng tham gia BHYT theo hộ gia đình thuộc: Phường Trường Chinh; tổ dân phố 3, 6 thuộc phường Thắng Lợi; phường Quang Trung (*trừ các thôn, tổ dân phố đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An*).

+ Học sinh Trường THPT Duy Tân và Trường THPT Trường Chinh.

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh xá Bộ chỉ huy quân sự tỉnh gồm:

+ Đối tượng tham gia BHYT là người thuộc hộ nghèo; cận nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; người tham

gia BHYT theo hộ gia đình đang cư trú tại Tổ dân phố 1 và 2 thuộc phường Trần Hưng Đạo, tổ dân phố 5 thuộc phường Lê Lợi.

+ Học sinh Trường THCS Chu Văn An.

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum (Cơ sở 1, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum) gồm:

+ Đối tượng tham gia BHYT là người thuộc hộ nghèo; cận nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; người tham gia BHYT theo hộ gia đình đang cư trú tại Tổ dân phố 3, 4, 5 thuộc phường Thống Nhất.

+ Đối tượng tham gia BHYT là người tham gia kháng chiến (mã KC); người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng; người thuộc hộ nghèo; cận nghèo thuộc phường Thắng Lợi.

+ Học sinh Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành.

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum (Cơ sở 2, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum) gồm:

+ Đối tượng tham gia BHYT là người thuộc hộ nghèo; cận nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; người tham gia BHYT theo hộ gia đình đang cư trú Tổ dân phố 3, thôn Plei Rơ Hai 1, thôn Plei Rơ Hai 2 thuộc phường Lê Lợi; thôn Đăk Brông, thôn Diên Trung thuộc xã Chư Hreng.

+ Học sinh Trường THPT Lê Lợi, Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai, và Trường Tiểu học & THCS Lê Lợi.

* **Lưu ý:** Trong thời gian cơ sở tạm ngừng KCB BHYT do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, người có thể BHYT đăng ký KCB BHYT ban đầu tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (Cơ sở 2) được đến KCB BHYT tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (Cơ sở 1, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum) hoặc các cơ sở KCB BHYT gần nhất với nơi cư trú của người bệnh.

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Kon Tum gồm:

+ Đối tượng cùng tham gia BHXH, BHYT tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đóng chân trên địa bàn phường Duy Tân, thành phố Kon Tum.

+ Đối tượng tham gia BHYT là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp thuộc phường Quang Trung.

+ Đối tượng tham gia BHYT theo hộ gia đình thuộc phường Duy Tân.

+ Học sinh Trường THCS Nguyễn Huệ.

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Phòng khám Đa khoa - Tiêm chủng Hạnh Tâm gồm:

+ Đối tượng cùng tham gia BHXH, BHYT tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đóng chân trên địa bàn phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum.

+ Đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi đang cư trú trên địa bàn phường Quyết Thắng.

+ Đối tượng tham gia BHYT theo hộ gia đình thuộc phường Quyết Thắng, phường Thống Nhất (*trừ đối tượng đã đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở 1 - Bệnh viện YDCT-PHCN tỉnh*).

+ Học sinh Trường Tiểu học & THCS Trần Hưng Đạo.

- Các đối tượng, địa bàn còn lại khác: Nơi đăng ký KCB ban đầu là Trạm Y tế (TYT) xã, phường thuộc Trung tâm Y tế (TTYT) thành phố Kon Tum.

2. Đối với huyện Ngọc Hồi

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi gồm: Đối tượng cùng tham gia BHXH, BHYT; Hưu trí; người có công với cách mạng; người từ đủ 80 tuổi trở lên và đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi cư trú trên địa bàn thị trấn Plei Càn, xã Đăk Xú.

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại TTYT huyện gồm: Người tham gia BHYT theo hộ gia đình và học sinh, sinh viên cư trú trên địa bàn Thị trấn Plei Càn.

- Các đối tượng còn lại khác: Nơi đăng ký KCB ban đầu là TYT xã, thị trấn thuộc TTYT huyện Ngọc Hồi.

3. Đối với các huyện còn lại

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại TTYT huyện gồm: Đối tượng cùng tham gia BHXH, BHYT; Hưu trí; người có công với cách mạng; người từ đủ 80 tuổi trở lên và đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi cư trú trên địa bàn thị trấn nơi TTYT huyện đứng chân.

- Các đối tượng còn lại khác: Nơi đăng ký KCB ban đầu là Phòng khám Đa khoa khu vực hoặc TYT các xã, thị trấn trực thuộc TTYT huyện.

- Người tham gia BHYT tại sinh sống trên địa bàn xã Mô Rai, huyện Sa Thầy đăng ký KCB ban đầu tại Trạm Y tế xã Mô Rai hoặc Bệnh xá Quân dân y Mô Rai/ Binh đoàn 15.

- Người tham gia BHYT tại các Tổ dân phố 1, 2, 3 và 4, thị trấn Măng Đen huyện Kon Plông, đăng ký KCB ban đầu tại TTYT huyện Kon Plông.

4. Đối tượng do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh quản lý: Đối tượng thuộc diện được Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh quản lý đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh hoặc cơ sở KCB quy định tại Điều 8 và khoản 1, khoản 2 Điều 9 Thông tư số 40/2015/TT- BYT.

5. Riêng đối với các vùng giáp ranh trên địa bàn tỉnh: Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các TYT xã, PKĐKKV, các cơ sở y tế tuyến huyện gần nhất so với nơi cư trú của người tham gia BHYT.

6. Đối với Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum: Nơi đăng ký KCB ban đầu của cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Công ty là Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Kon Tum và các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến xã gần nhất so với nơi cư trú của người tham gia BHYT.

7. Một số lưu ý

Theo quy định tại Điều 26 Luật BHYT: *"Người tham gia bảo hiểm y tế có quyền đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến xã, tuyến huyện hoặc tương đương; trừ trường hợp được đăng ký tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh hoặc tuyến trung ương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế"*.

Do vậy, trường hợp người tham gia BHYT có nguyện vọng thay đổi nơi đăng ký KCB ban đầu, được lựa chọn đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB tuyến xã, tuyến huyện phù hợp với nơi làm việc, cư trú và khả năng đáp ứng của cơ sở KCB; trừ trường hợp được đăng ký tại cơ sở KCB tuyến tỉnh theo quy định tại Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế. Người tham gia BHYT được thay đổi nơi đăng ký KCB ban đầu vào đầu mỗi quý.

II. THỦ TỤC KCB BHYT, CHUYỂN TUYẾN KCB BHYT

1. Thủ tục KCB BHYT đối với trẻ em dưới 6 tuổi

Trẻ em dưới 6 tuổi đến KCB chỉ phải xuất trình thẻ BHYT. Trường hợp trẻ chưa được cấp thẻ BHYT thì phải xuất trình bản sao giấy chứng sinh hoặc bản sao giấy khai sinh; trường hợp phải điều trị ngay sau khi sinh mà chưa có giấy chứng sinh thì thủ trưởng cơ sở KCB và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của trẻ ký xác nhận vào hồ sơ bệnh án để làm căn cứ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP và chịu trách nhiệm về việc xác nhận này.

Cơ sở KCB có trách nhiệm lập danh sách trẻ em dưới 6 tuổi đi KCB BHYT không trình thẻ đề nghị thanh toán (*mẫu số 01 kèm theo Công văn số 376/BHXH-GĐBHYT ngày 25/3/2019 của BHXH tỉnh Kon Tum về việc rà soát và cấp thẻ đối với trẻ em dưới 6 tuổi đi KCB không xuất trình thẻ BHYT*); đồng thời cung cấp bản photocopy giấy tờ thay thế thẻ BHYT (*đối với trẻ em ngoại tỉnh*) khi thanh toán với cơ quan BHXH.

2. Đối với một số bệnh mạn tính: Thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 12 Thông tư số 40/2015/TT-BYT; Danh mục các bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp được sử dụng giấy chuyển tuyến trong năm dương lịch quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 40/2015/TT- BYT.

3. Trường hợp chuyển tuyến giữa các cơ sở KCB trên các địa bàn giáp ranh

- TYT các xã, phường thuộc TTYT thành phố Kon Tum; TYT xã Đăk La, xã Ngọc Réo thuộc huyện Đăk Hà; TYT xã Đăk Tô Re thuộc huyện Kon Rẫy được quyền giới thiệu người bệnh BHYT vượt quá khả năng KCB lên thẳng Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (theo chuyên khoa Y dược cổ truyền, Phục hồi chức năng), Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (theo chuyên khoa phù hợp) không phải qua TTYT huyện, thành phố.

- TYT các xã, thị trấn thuộc TTYT huyện Ngọc Hồi; TYT xã Đăk Long, Đăk Môn thuộc TTYT huyện Đăk Gle; TYT xã Tân Cảnh thuộc TTYT huyện Đăk Tô; TYT xã Rờ Kơi thuộc TTYT huyện Sa Thầy được quyền giới thiệu người bệnh BHYT vượt quá khả năng KCB lên thẳng Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi không phải qua TTYT huyện.

4. Các cơ sở KCB khác

Việc chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật được thực hiện theo quy định hiện hành về chuyển tuyến giữa các cơ sở KCB và chuyển tuyến KCB BHYT. Ngoài ra, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum và TTYT huyện Ia H'Drai được chuyển tuyến đến các cơ sở y tế đã được thoả thuận theo Biên bản làm việc ngày 02/11/2018 giữa Sở Y tế và BHXH tỉnh Kon Tum với Sở Y tế và BHXH tỉnh Gia Lai về chuyển tuyến KCB và thanh toán chi phí KCB BHYT.

5. Mẫu giấy giới thiệu chuyển tuyến: Các trường hợp chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật kể cả chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật từ các TYT xã, cơ sở y tế của cơ quan, đơn vị, trường học phải sử dụng giấy chuyển tuyến theo mẫu số 6 được ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.

III. HỢP ĐỒNG KCB BHYT

1. Nội dung hợp đồng KCB BHYT

Nội dung hợp đồng KCB BHYT được lập theo mẫu số 7 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP. Tùy theo điều kiện của cơ sở KCB, cơ quan BHXH và cơ sở KCB thống nhất bổ sung nội dung trong hợp đồng nhưng không trái quy định của pháp luật về BHYT. Trong đó, lưu ý bổ sung cụ thể một số nội dung sau:

- Đối với cơ sở KCB có tổ chức KCB ngoài giờ, ngày nghỉ, ngày lễ: phải ghi cụ thể trong hợp đồng thời gian làm việc ngoài giờ trong tuần (từ giờ nào đến giờ nào, những ngày nào trong tuần) và quy định về việc đảm bảo nhân lực, bàn khám, bộ phận cận lâm sàng phục vụ cho công tác khám bệnh ngoài giờ, ngày nghỉ, ngày lễ...

- Thanh toán chi phí tại cơ sở KCB tuyến xã đối với trường hợp người bệnh được cơ sở KCB tuyến trên chẩn đoán, chỉ định điều trị và chuyển về để quản lý, theo dõi, cấp phát thuốc: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế (lưu ý các trường hợp này người bệnh vẫn phải cùng chi trả chi phí KCB theo quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP).

- Đối với các cơ sở KCB đáp ứng yêu cầu KCB cho người nhiễm HIV, phải bổ sung vào hợp đồng KCB BHYT các quy định về cung cấp dịch vụ KCB HIV/AIDS theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BYT ngày 26/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn thực hiện BHYT và KCB BHYT liên quan đến HIV/AIDS. Quản lý, thanh toán thuốc ARV nguồn quỹ BHYT theo quy định của Thông tư số 22/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020 của Bộ Y tế Quy định về quản lý thuốc kháng HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thẻ bảo hiểm y tế.

- Tổ chức điều trị nội trú ban ngày và thanh toán chi phí giường bệnh nội trú ban ngày theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BYT ngày 06/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc thực hiện hóa trị, xạ trị, hóa trị kết hợp xạ trị ban ngày tại cơ sở KCB và Thông tư số 01/2019/TT-BYT ngày 01/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy định việc thực hiện điều trị nội trú ban ngày tại cơ ở KCB y học cổ truyền.

- Chuyển thực hiện dịch vụ cận lâm sàng theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế.

- Quy định cập nhật dữ liệu KCB của các đối tượng đến khám để nghỉ ốm đau, thai sản theo quy định tại khoản 3, Điều 26, Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết thi hành Luật BHXH và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.

- Đối với các cơ sở KCB không tổ chức khoa lâm sàng, nhưng có giường bệnh nội trú (*Bệnh xá Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bệnh xá Công an tỉnh, Bệnh xá Quân dân y Mô Rai/ Binh đoàn 15*): Chỉ tiếp nhận điều trị nội trú đối với các bệnh nội, ngoại, và một số chuyên khoa khác tùy theo điều kiện thực tế về nhân lực và danh mục DVKT được phê duyệt thực hiện tại đơn vị.

2. Ký hợp đồng KCB BHYT

- BHXH huyện thực hiện ký hợp đồng KCB BHYT với các cơ sở KCB trên địa bàn huyện theo Quyết định phân cấp ký, tổ chức thực hiện hợp đồng KCB BHYT của Giám đốc BHXH tỉnh.

- BHXH tỉnh trực tiếp ký hợp đồng KCB BHYT với các cơ sở KCB trên địa bàn Thành phố Kon Tum và các huyện không đủ điều kiện để phân cấp ký hợp đồng.

IV. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

- Phụ lục I: Danh sách cơ sở y tế nhận đăng ký KCB BHYT ban đầu năm 2022.
- Phụ lục II: Danh sách cơ sở KCB ký hợp đồng KCB BHYT năm 2022.
- Phụ lục III: Dự kiến số thẻ đăng ký KCB ban đầu tại từng cơ sở KCB năm 2022.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các nội dung quy định tại Công văn này được thực hiện từ ngày 01/01/2022. Công văn này thay thế Công văn liên ngành số 08/LN-SYT-BHXX ngày 29/10/2020 của Liên ngành Sở Y tế - BHXH tỉnh Kon Tum và các văn bản sửa đổi, bổ sung Công văn liên ngành số 08/LN-SYT-BHXX.

Liên ngành Sở Y tế - BHXH tỉnh yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Y tế và BHXH tỉnh để xem xét, phối hợp giải quyết./.

GIÁM ĐỐC BHXH TỈNH



Vũ Mạnh Chũ

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ



Võ Văn Thanh

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH Việt Nam (b/c);
- Vụ BHYT Bộ Y tế (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở LĐ, TB&XH;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum;
- Trường Cao đẳng cộng đồng;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở Y tế và BHXH tỉnh;
- Các phòng thuộc Sở Y tế và BHXH tỉnh;
- Lưu: VT Sở Y tế, VT BHXH tỉnh.

Phụ lục I
DANH SÁCH CƠ SỞ Y TẾ
ĐĂNG KÝ KHÁM CHỮA BỆNH BAN ĐẦU BHYT NĂM 2022



Số TT	TT theo mục	Tên cơ sở KCB BHYT	Mã cơ sở KCB	Tuyển CMKT	Hạng cơ sở KCB	Ghi chú
	A	CÁC BỆNH VIỆN				
1	1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	62001	Tuyển 2	2	
2	2	Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (Cơ sở 1 và 2)	62058; 62134	Tuyển 2	3	
3	3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	62127	Tuyển 2	2	
4	4	Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An	62160	Tuyển 3	3	
	B	CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ				
	I	Thành phố Kon Tum				
5	1	Bệnh xá Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	62124	Tuyển 3	CH	
6	2	Bệnh xá Sư đoàn 10 (D24F10)	62126	Tuyển 3	CH	
7	3	Bệnh xá Công an tỉnh	62141	Tuyển 3	CH	ĐK ban đầu cho CB, CS thuộc CA tỉnh
8	4	Trạm y tế phường Ngô Mây	62147	Tuyển 4	CH	
9	5	Trạm Y tế xã Chư Hreng	62014	Tuyển 4	CH	
10	6	Trạm Y tế xã Hoà Bình	62015	Tuyển 4	CH	
11	7	Trạm Y tế phường Thống Nhất	62016	Tuyển 4	CH	
12	8	Trạm Y tế xã Đăk Blà	62017	Tuyển 4	CH	
13	9	Trạm Y tế phường Quang Trung	62018	Tuyển 4	CH	
14	10	Trạm Y tế xã Đăk Rơ Wa	62019	Tuyển 4	CH	
15	11	Trạm Y tế xã Ia Chim	62020	Tuyển 4	CH	
16	12	Trạm Y tế xã Vinh Quang	62021	Tuyển 4	CH	
17	13	Trạm Y tế xã Ngọc Bay	62022	Tuyển 4	CH	
18	14	Trạm Y tế xã Kroong	62023	Tuyển 4	CH	
19	15	Trạm Y tế phường Lê Lợi	62024	Tuyển 4	CH	
20	16	Trạm Y tế phường Duy Tân	62025	Tuyển 4	CH	
21	17	Trạm Y tế phường Trường Chinh	62026	Tuyển 4	CH	
22	18	Trạm Y tế xã Đăk Cẩm	62027	Tuyển 4	CH	
23	19	Trạm Y tế phường Thắng Lợi	62028	Tuyển 4	CH	
24	20	Trạm Y tế phường Trần Hưng Đạo	62029	Tuyển 4	CH	
25	21	Trạm Y tế phường Quyết Thắng	62030	Tuyển 4	CH	
26	22	Trạm Y tế phường Nguyễn Trãi	62032	Tuyển 4	CH	
27	23	Trạm Y tế xã Đoàn Kết	62033	Tuyển 4	CH	
28	24	Trạm Y tế xã Đăk Năng	62128	Tuyển 4	CH	

Số TT	TT theo mục	Tên cơ sở KCB BHYT	Mã cơ sở KCB	Tuyển CMKT	Hạng cơ sở KCB	Ghi chú
29	25	PKĐK Hà Nội - Kon Tum	62158	Tuyển 3	CH	
30	26	Phòng khám Đa khoa - Tiêm chủng Hạnh Tâm	62159	Tuyển 3	CH	
	II	Huyện Đắk Hà				
31	1	TTYT huyện Đắk Hà	62007	Tuyển 3	3	
32	2	Trạm Y tế xã Ngọc Wang	62151	Tuyển 4	CH	
33	3	Trạm Y tế xã Đắk Hring	62154	Tuyển 4	CH	
34	4	Trạm Y tế thị trấn Đắk Hà	62092	Tuyển 4	CH	
35	5	Trạm Y tế xã Đắk Pxi	62093	Tuyển 4	CH	
36	6	Trạm Y tế xã Đắk Ui	62095	Tuyển 4	CH	
37	7	Trạm Y tế xã Đắk Mar	62096	Tuyển 4	CH	
38	8	Trạm Y tế xã Ngọc Réo	62098	Tuyển 4	CH	
39	9	Trạm Y tế xã Hà Mòn	62099	Tuyển 4	CH	
40	10	Trạm Y tế xã Đắk La	62100	Tuyển 4	CH	
41	11	Trạm Y tế xã Đắk Ngọc	62146	Tuyển 4	CH	
42	12	Trạm Y tế xã Đắk Long	62157	Tuyển 4	CH	
	III	Huyện Đắk Tô				
43	1	TTYT huyện Đắk Tô	62004	Tuyển 3	3	
44	2	Trạm Y tế thị trấn Đắk Tô	62057	Tuyển 4	CH	
45	3	Trạm Y tế xã Ngọc Tụ	62066	Tuyển 4	CH	
46	4	Trạm Y tế xã Văn Lem	62067	Tuyển 4	CH	
47	5	Trạm Y tế xã Kon Đào	62068	Tuyển 4	CH	
48	6	Trạm Y tế xã Tân Cảnh	62069	Tuyển 4	CH	
49	7	Trạm Y tế xã Diên Bình	62070	Tuyển 4	CH	
50	8	Trạm Y tế xã Pô Kô	62071	Tuyển 4	CH	
51	9	Trạm Y tế xã Đắk Rơ Nga	62074	Tuyển 4	CH	
52	10	Trạm Y tế xã Đắk Trăm	62075	Tuyển 4	CH	
	IV	Huyện Tu Mơ Rông				
53	1	TTYT huyện Tu Mơ Rông	62013	Tuyển 3	3	
54	2	Trạm y tế xã Tu Mơ Rông	62150	Tuyển 4	CH	
55	3	PKĐKKV Đắk Rơ Ông	62139	Tuyển 3	CH	
56	4	Trạm Y tế xã Ngọc Lây	62112	Tuyển 4	CH	
57	5	Trạm Y tế xã Đắk Na	62113	Tuyển 4	CH	
58	6	Trạm Y tế xã Măng Ri	62114	Tuyển 4	CH	
59	7	Trạm Y tế xã Ngọc Yêu	62115	Tuyển 4	CH	
60	8	Trạm Y tế xã Đắk Sao	62116	Tuyển 4	CH	
61	9	Trạm Y tế xã Tô Xăng	62119	Tuyển 4	CH	

Số TT	TT theo mục	Tên cơ sở KCB BHYT	Mã cơ sở KCB	Tuyển CMKT	Hạng cơ sở KCB	Ghi chú
62	10	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	62120	Tuyển 4	CH	
63	11	Trạm Y tế xã Đăk Tơ Kan	62121	Tuyển 4	CH	
	V	Huyện Ngọc Hồi				
64	1	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi	62003	Tuyển 3	CH	
65	2	Trạm y tế xã Đăk Dục	62156	Tuyển 4	CH	
66	3	Trạm Y tế thị trấn Plei Càn	62049	Tuyển 4	CH	
67	4	Trạm Y tế xã Đăk Ang	62050	Tuyển 4	CH	
68	5	Trạm Y tế xã Đăk Nông	62052	Tuyển 4	CH	
69	6	Trạm Y tế xã Đăk Xú	62053	Tuyển 4	CH	
70	7	Trạm Y tế xã Đăk Kan	62054	Tuyển 4	CH	
71	8	Trạm Y tế xã Pờ Y	62055	Tuyển 4	CH	
72	9	Trạm Y tế xã Sa Loong	62056	Tuyển 4	CH	
	VI	Huyện Đăk Glei				
73	1	TTYT huyện Đăk Glei	62002	Tuyển 3	3	
74	2	PKĐKKV Đăk Môn	62061	Tuyển 3	CH	
75	3	Trạm y tế xã Mưong Hoong	62153	Tuyển 4	CH	
76	4	Trạm Y tế thị trấn Đăk Glei	62037	Tuyển 4	CH	
77	5	Trạm Y tế xã Đăk Blô	62038	Tuyển 4	CH	
78	6	Trạm Y tế xã Đăk Man	62039	Tuyển 4	CH	
79	7	Trạm Y tế xã Đăk Nhoong	62040	Tuyển 4	CH	
80	8	Trạm Y tế xã Đăk Pét	62041	Tuyển 4	CH	
81	9	Trạm Y tế xã Đăk Choong	62042	Tuyển 4	CH	
82	10	Trạm Y tế xã Xốp	62043	Tuyển 4	CH	
83	11	Trạm Y tế xã Ngọc Linh	62045	Tuyển 4	CH	
84	12	Trạm Y tế xã Đăk Long	62046	Tuyển 4	CH	
85	13	Trạm Y tế xã Đăk Kroong	62047	Tuyển 4	CH	
	VII	Huyện Kon Rẫy				
86	1	TTYT huyện Kon Rẫy	62008	Tuyển 3	3	
87	2	PKĐKKV Đăk Rve	62137	Tuyển 3	CH	
88	3	Trạm Y tế xã Đăk Kôi	62086	Tuyển 4	CH	
89	4	Trạm Y tế xã Đăk Tơ Lung	62087	Tuyển 4	CH	
90	5	Trạm Y tế xã Đăk Ruông	62088	Tuyển 4	CH	
91	6	Trạm Y tế xã Đăk Pnê	62089	Tuyển 4	CH	
92	7	Trạm Y tế xã Đăk Tờ Re	62090	Tuyển 4	CH	
93	8	Trạm Y tế xã Tân Lập	62091	Tuyển 4	CH	
	VIII	Huyện Kon Plong				
94	1	TTYT huyện Kon Plong	62006	Tuyển 3	3	

Số TT	TT theo mục	Tên cơ sở KCB BHYT	Mã cơ sở KCB	Tuyển CMKT	Hạng cơ sở KCB	Ghi chú
95	2	Trạm Y tế xã Đăk Rìng	62149	Tuyển 4	CH	
96	3	Trạm Y tế xã Đăk Nê	62076	Tuyển 4	CH	
97	4	Trạm Y tế xã Măng Búk	62078	Tuyển 4	CH	
98	5	Trạm Y tế xã Đăk Tăng	62079	Tuyển 4	CH	
99	6	Trạm Y tế xã Ngọc Tem	62080	Tuyển 4	CH	
100	7	Trạm Y tế xã Pờ Ê	62081	Tuyển 4	CH	
101	8	Trạm Y tế xã Măng Cành	62082	Tuyển 4	CH	
102	9	Trạm Y tế thị trấn Măng Đen	62083	Tuyển 4	CH	
103	10	Trạm Y tế xã Hiếu	62084	Tuyển 4	CH	
	IX	Huyện Sa Thầy				
104	1	TTYT huyện Sa Thầy	62005	Tuyển 3	3	
105	2	Trạm Y tế xã Rờ Koi	62148	Tuyển 4	CH	
106	3	Trạm Y tế xã Ya Xiêr	62155	Tuyển 4	CH	
107	4	Trạm Y tế thị trấn Sa Thầy	62101	Tuyển 4	CH	
108	5	Trạm Y tế xã Sa Nhơn	62103	Tuyển 4	CH	
109	6	Trạm Y tế xã Mô Rai	62104	Tuyển 4	CH	
110	7	Trạm Y tế xã Sa Sơn	62105	Tuyển 4	CH	
111	8	Trạm Y tế xã Sa Nghĩa	62106	Tuyển 4	CH	
112	9	Trạm Y tế xã Sa Bình	62107	Tuyển 4	CH	
113	10	Trạm Y tế xã Ya Tăng	62109	Tuyển 4	CH	
114	11	Trạm Y tế xã Ya Ly	62110	Tuyển 4	CH	
115	12	Trạm Y tế xã Hơ Moong	62111	Tuyển 4	CH	
116	13	Bệnh xá Quân dân y Mô Rai/Bình đoàn 15	62132	Tuyển 3	CH	
	X	Huyện Ia H'Drai				
117	1	TTYT Huyện Ia H'Drai	62140	Tuyển 3	CH	
118	2	Trạm Y tế xã Ia Đal	62142	Tuyển 4	CH	
119	3	Trạm Y tế xã Ia Dom	62143	Tuyển 4	CH	
120	4	Trạm Y tế xã Ia Toi	62144	Tuyển 4	CH	

* **Ghi chú:** - Tuyển tỉnh (gọi là tuyển 2), tuyển huyện (gọi là tuyển 3), tuyển xã (gọi là tuyển 4).

- CH: Chưa phân hạng.



Phụ lục II
DANH SÁCH CƠ SỞ KCB KÝ HỢP ĐỒNG
KCB BHYT VỚI CƠ QUAN BHXH NĂM 2022

Số TT	Tên cơ sở KCB BHYT	Mã cơ sở KCB	Tuyển CMKT	Hạng bệnh viện	KCB nội trú	KCB ngoại trú	Ghi chú
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	62001	Tuyển 2	2	x	x	
2	Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng	62058	Tuyển 2	3	x	x	
3	Bệnh viện ĐKKV Ngọc Hồi	62127	Tuyển 2	2	x	x	
4	Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An	62160	Tuyển 3	3	x	x	
5	Bệnh viện dã chiến số 1 tỉnh Kon Tum	62161	Tuyển 3	3	x	0	KCB Covid-19
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	62152	Tuyển 2	CH	0	x	Ngoại trú chuyên khoa
7	Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei	62002	Tuyển 3	3	x	x	
8	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi	62003	Tuyển 3	3	0	x	
9	Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô	62004	Tuyển 3	3	x	x	
10	Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy	62005	Tuyển 3	3	x	x	
11	Trung tâm Y tế huyện Kon Plong	62006	Tuyển 3	3	x	x	
12	Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà	62007	Tuyển 3	3	x	x	
13	Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy	62008	Tuyển 3	3	x	x	
14	Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum	62009	Tuyển 3	CH	0	x	
15	Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	62013	Tuyển 3	3	x	x	
16	Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai	62140	Tuyển 3	CH	x	x	
17	Bệnh xá BCH quân sự tỉnh	62124	Tuyển 3	CH	x	x	
18	Bệnh xá BCH Sư đoàn 10 (D24F10)	62126	Tuyển 3	CH	x	x	
19	Bệnh xá Công an tỉnh	62141	Tuyển 3	CH	x	x	
20	Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Kon Tum	62158	Tuyển 3	CH	0	x	
21	Phòng khám Đa khoa - Tiêm chủng Hạnh Tâm	62159	Tuyển 3	CH	0	x	
22	Bệnh xá Quân dân y Mô Rai/Binh đoàn 15	62132	Tuyển 3	CH	x	x	

Ghi chú: TTYT các huyện ký hợp đồng KCB nội trú, ngoại trú tại TTYT huyện và các PKĐK khu vực (TYT xã, phường, thị trấn chỉ thực hiện KCB ngoại trú).

Phụ lục III
DỰ KIẾN SỐ THẺ ĐĂNG KÝ KCB BAN ĐẦU
TẠI TỪNG CƠ SỞ KCB NĂM 2022

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
1	62-001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	25.270	19.942
		Nhóm I	11.803	7.555
		Nhóm II	4.628	4.628
		Nhóm III	2.189	5.506
		Nhóm IV	3.091	1.089
		Nhóm V	3.560	1.165
2	62-002	Trung tâm y tế huyện Đắk Glei	3.073	3.974
		Nhóm I	1.901	1.901
		Nhóm II	515	515
		Nhóm III	655	1.556
		Nhóm V	2	2
3	62-003	Trung tâm y tế huyện Ngọc Hồi	5.790	5.790
		Nhóm I	56	56
		Nhóm II	2	2
		Nhóm III	22	22
		Nhóm IV	2.756	2.756
		Nhóm V	2.954	2.954
4	62-004	Trung tâm y tế huyện Đắk Tô	3.742	5.343
		Nhóm I	2.115	2.115
		Nhóm II	757	757
		Nhóm III	865	2.466
		Nhóm V	5	5
5	62-005	Trung tâm y tế huyện Sa Thầy	3.452	4.896
		Nhóm I	1.858	1.858
		Nhóm II	419	419
		Nhóm III	1.170	2.614
		Nhóm IV		
		Nhóm V	5	5
6	62-006	Trung tâm y tế huyện Kon Plong	2.704	3.490
		Nhóm I	1.063	1.063
		Nhóm II	38	38
		Nhóm III	785	1.571
		Nhóm IV	444	444
		Nhóm V	374	374
7	62-007	Trung tâm y tế huyện Đắk Hà	7.999	9.763

STT	Mã cơ số KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm I	3.681	3.681
		Nhóm II	2.174	2.174
		Nhóm III	1.725	3.489
		Nhóm IV	28	28
		Nhóm V	391	391
8	62-008	Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy	1.843	1.843
		Nhóm I	1.575	1.575
		Nhóm II	87	87
		Nhóm III	174	174
		Nhóm IV	2	2
		Nhóm V	5	5
9	62-013	Trung tâm y tế huyện Tumơrông	5.481	5.481
		Nhóm I	731	731
		Nhóm II	26	26
		Nhóm III	4.724	4.724
10	62-014	Trạm y tế xã Chư Hreng	1.993	2.769
		Nhóm I	39	39
		Nhóm II	4	4
		Nhóm III	1.275	2.052
		Nhóm IV	108	108
		Nhóm V	566	566
11	62-015	Trạm y tế xã Hòa Bình	4.339	5.811
		Nhóm I	61	61
		Nhóm II	7	7
		Nhóm III	1.438	2.909
		Nhóm IV	642	642
		Nhóm V	2.191	2.191
12	62-016	Trạm y tế phường Thống Nhất	3.429	3.429
		Nhóm I	55	55
		Nhóm II	10	10
		Nhóm III	1.719	1.719
		Nhóm IV	1.471	1.471
		Nhóm V	174	174
13	62-017	Trạm y tế xã Đắk Blà	7.795	7.899
		Nhóm I	18	18
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	7.292	7.396
		Nhóm IV	77	77
		Nhóm V	405	405
14	62-018	Trạm y tế phường Quang Trung	7.086	5.120
		Nhóm I	139	139

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm II	30	30
		Nhóm III	3.050	1.084
		Nhóm IV	3.688	3.688
		Nhóm V	179	179
15	62-019	Trạm y tế xã Đắc Rơ Wa	4.120	4.276
		Nhóm I	11	11
		Nhóm III	4.040	4.196
		Nhóm V	69	69
16	62-020	Trạm y tế xã Ia Chim	5.512	5.648
		Nhóm I	405	405
		Nhóm II	29	29
		Nhóm III	1.909	1.909
		Nhóm IV	1.557	1.693
		Nhóm V	1.612	1.612
17	62-021	Trạm y tế xã Vinh Quang	5.262	5.262
		Nhóm I	63	63
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	1.803	1.803
		Nhóm IV	750	750
		Nhóm V	2.645	2.645
18	62-022	Trạm y tế xã Ngok Bay	1.979	6.617
		Nhóm I	41	41
		Nhóm II	8	8
		Nhóm III	1.434	6.072
		Nhóm IV	173	173
		Nhóm V	323	323
19	62-023	Trạm y tế xã Kroong	4.079	4.079
		Nhóm I	41	41
		Nhóm II	4	4
		Nhóm III	2.629	2.629
		Nhóm IV	380	380
		Nhóm V	1.025	1.025
20	62-024	Trạm y tế phường Lê Lợi	3.911	3.911
		Nhóm I	66	66
		Nhóm II	20	20
		Nhóm III	845	845
		Nhóm IV	1.501	1.501
		Nhóm V	1.479	1.479
21	62-025	Trạm y tế phường Duy Tân	3.145	1.744
		Nhóm I	205	205
		Nhóm II	33	33

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm III	2.027	626
		Nhóm IV	862	862
		Nhóm V	18	18
22	62-026	Trạm y tế phường Trường Chinh	1.978	2.381
		Nhóm I	118	118
		Nhóm II	26	26
		Nhóm III	1.574	1.574
		Nhóm IV	184	587
		Nhóm V	76	76
23	62-027	Trạm y tế xã Đắk Cấm	3.537	3.537
		Nhóm I	57	57
		Nhóm II	13	13
		Nhóm III	1.193	1.193
		Nhóm IV	630	630
		Nhóm V	1.644	1.644
24	62-028	Trạm y tế phường Thắng Lợi	6.786	4.403
		Nhóm I	111	111
		Nhóm II	8	8
		Nhóm III	2.310	321
		Nhóm IV	1.451	1.057
		Nhóm V	2.906	2.906
25	62-029	Trạm y tế P. Trần Hưng Đạo	3.887	3.887
		Nhóm I	46	46
		Nhóm II	8	8
		Nhóm III	1.086	1.086
		Nhóm IV	1.014	1.014
		Nhóm V	1.733	1.733
26	62-030	Trạm y tế phường Quyết Thắng	5.335	4.001
		Nhóm I	59	59
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	1.973	639
		Nhóm IV	3.285	3.285
		Nhóm V	15	15
27	62-032	Trạm y tế phường Nguyễn Trãi	3.527	3.527
		Nhóm I	26	26
		Nhóm II	9	9
		Nhóm III	811	811
		Nhóm IV	725	725
		Nhóm V	1.956	1.956
28	62-033	Trạm y tế xã Đoàn Kết	2.931	2.931

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm I	34	34
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	822	822
		Nhóm IV	507	507
		Nhóm V	1.567	1.567
29	62-037	Trạm y tế Thị trấn Đắk Glei	5.464	4.563
		Nhóm I	10	10
		Nhóm III	5.282	4.381
		Nhóm IV	153	153
		Nhóm V	19	19
30	62-038	Trạm y tế xã Đắk Plô	1.418	1.418
		Nhóm I	17	17
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	1.400	1.400
31	62-039	Trạm y tế xã Đắk Man	1.246	1.246
		Nhóm I	18	18
		Nhóm III	1.228	1.228
32	62-040	Trạm y tế xã Đắk Nhoong	2.242	2.242
		Nhóm I	19	19
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	2.219	2.219
		Nhóm V	1	1
33	62-041	Trạm y tế xã Đắk Pék	3.564	8.286
		Nhóm I	46	46
		Nhóm II	2	2
		Nhóm III	2.086	6.808
		Nhóm IV	415	415
		Nhóm V	1.015	1.015
34	62-042	Trạm y tế xã Đắk Choong	3.687	3.687
		Nhóm I	16	16
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	3.669	3.669
		Nhóm V	1	1
35	62-043	Trạm y tế xã Xốp	1.834	1.834
		Nhóm I	15	15
		Nhóm III	1.819	1.819
36	62-045	Trạm y tế xã Ngọc Linh	2.738	2.738
		Nhóm I	5	5
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	2.732	2.732
37	62-046	Trạm y tế xã Đắk Long	6.070	6.070

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm I	26	26
		Nhóm III	6.042	6.042
		Nhóm V	2	2
38	62-047	Trạm y tế xã Đắk KRoong	4.619	4.619
		Nhóm I	25	25
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	4.593	4.593
39	62-049	Trạm y tế Thị trấn Plei Càn	695	695
		Nhóm I	11	11
		Nhóm III	359	359
		Nhóm IV	259	259
		Nhóm V	66	66
40	62-050	Trạm y tế xã Đắk Ang	4.859	4.859
		Nhóm I	9	9
		Nhóm III	4.848	4.848
		Nhóm IV	2	2
41	62-052	Trạm y tế xã Đắk Nông	1.755	1.755
		Nhóm I	40	40
		Nhóm III	710	710
		Nhóm IV	645	645
		Nhóm V	361	361
42	62-053	Trạm y tế xã Đắk Xú	2.544	2.544
		Nhóm I	28	28
		Nhóm II		
		Nhóm III	235	235
		Nhóm IV	987	987
		Nhóm V	1.294	1.294
43	62-054	Trạm y tế xã Đắk Kan	2.736	2.736
		Nhóm I	4	4
		Nhóm III	874	874
		Nhóm IV	734	734
		Nhóm V	1.124	1.124
44	62-055	Trạm y tế xã Pờ Y	3.957	3.957
		Nhóm I	9	9
		Nhóm III	1.375	1.375
		Nhóm IV	1.362	1.362
		Nhóm V	1.211	1.211
45	62-056	Trạm y tế xã Sa Loong	3.112	5.850
		Nhóm I	18	18
		Nhóm III	2.349	5.088
		Nhóm IV	244	244

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm V	500	500
46	62-057	Trạm y tế Thị trấn Đắk Tô	8.066	6.465
		Nhóm I	56	56
		Nhóm II	5	5
		Nhóm III	2.165	564
		Nhóm IV	2.682	2.682
		Nhóm V	3.158	3.158
47	62-058	Bệnh viện YDCT-PHCN (cơ sở 1)	850	1.830
		Nhóm I	27	27
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	14	600
		Nhóm IV	754	1.148
		Nhóm V	52	52
48	62-061	Phòng khám khu vực Đắk Môn - Đăkglei	2.867	6.598
		Nhóm I	138	138
		Nhóm II	4	4
		Nhóm III	1.296	5.027
		Nhóm IV	587	587
		Nhóm V	842	842
49	62-066	Trạm y tế xã Ngọc Tú	3.195	3.195
		Nhóm I	9	9
		Nhóm III	3.186	3.186
50	62-067	Trạm y tế xã Văn Lem	2.816	2.816
		Nhóm I	18	18
		Nhóm III	2.796	2.796
		Nhóm V	2	2
51	62-068	Trạm y tế xã Kon Đào	3.210	3.799
		Nhóm I	45	45
		Nhóm II	4	4
		Nhóm III	1.947	2.536
		Nhóm IV	416	416
		Nhóm V	798	798
52	62-069	Trạm y tế xã Tân Cảnh	3.816	3.816
		Nhóm I	76	76
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	1.143	1.143
		Nhóm IV	944	944
		Nhóm V	1.650	1.650
53	62-070	Trạm y tế xã Diên Bình	4.792	7.014

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm I	32	32
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	1.654	3.876
		Nhóm IV	1.136	1.136
		Nhóm V	1.969	1.969
54	62-071	Trạm y tế xã Pô Kô	3.354	3.354
		Nhóm I	20	20
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	3.327	3.327
		Nhóm IV	1	1
		Nhóm V	5	5
55	62-074	Trạm y tế xã Đắk Rơ Nga	4.006	4.006
		Nhóm I	21	21
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	3.982	3.982
		Nhóm V	2	2
56	62-075	Trạm y tế xã Đắk Trăm	4.833	4.833
		Nhóm I	29	29
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	4.803	4.803
57	62-076	Trạm y tế xã Đắk Nén	2.325	2.325
		Nhóm I	72	72
		Nhóm II	2	2
		Nhóm III	2.251	2.251
58	62-078	Trạm y tế xã Măng Buk	4.207	4.207
		Nhóm I	120	120
		Nhóm II	9	9
		Nhóm III	4.078	4.078
59	62-079	Trạm y tế xã Đắk Tăng	1.487	1.487
		Nhóm I	88	88
		Nhóm II	5	5
		Nhóm III	1.394	1.394
60	62-080	Trạm y tế xã Ngok Tem	3.125	3.125
		Nhóm I	87	87
		Nhóm II	5	5
		Nhóm III	3.032	3.032
		Nhóm V	1	1
61	62-081	Trạm y tế xã Pờ Ê	576	2.331
		Nhóm I	62	62
		Nhóm II	5	5
		Nhóm III	419	2.173

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm IV	54	54
		Nhóm V	36	36
62	62-082	Trạm y tế xã Măng Cành	1.412	2.537
		Nhóm I	80	80
		Nhóm II	11	11
		Nhóm III	982	2.107
		Nhóm IV	111	111
		Nhóm V	228	228
63	62-083	Trạm Y tế Thị trấn Măng Đen	883	1.718
		Nhóm I	74	74
		Nhóm II	2	2
		Nhóm III	636	1.471
		Nhóm IV	170	170
		Nhóm V	1	1
64	62-084	Trạm y tế xã Hiếu	3.305	3.305
		Nhóm I	85	85
		Nhóm II	10	10
		Nhóm III	3.210	3.210
65	62-086	Trạm y tế xã Đắk Kôi	2.944	2.944
		Nhóm I	1	1
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	2.939	2.939
		Nhóm V	1	1
66	62-087	Trạm y tế xã Đắk Tô Lung	2.153	3.057
		Nhóm I	2	2
		Nhóm II	4	4
		Nhóm III	1.672	2.575
		Nhóm IV	453	453
		Nhóm V	22	22
67	62-088	Trạm y tế xã Đắk Ruồng	3.702	5.228
		Nhóm I	15	15
		Nhóm II	36	36
		Nhóm III	2.360	3.886
		Nhóm IV	952	952
		Nhóm V	338	338
68	62-089	Trạm y tế xã Đắk Pnê	2.393	2.393
		Nhóm I	1	1
		Nhóm II	4	4
		Nhóm III	2.388	2.388
69	62-090	Trạm y tế xã Đắk Tô Re	6.663	6.663
		Nhóm I	66	66

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm II	9	9
		Nhóm III	6.581	6.581
		Nhóm IV	3	3
		Nhóm V	4	4
70	62-091	Trạm y tế xã Tân Lập	3.001	3.300
		Nhóm I	18	18
		Nhóm II	13	13
		Nhóm III	1.648	1.947
		Nhóm IV	687	687
		Nhóm V	636	636
71	62-092	Trạm y tế Thị trấn Đắk Hà	10.800	9.036
		Nhóm I	39	39
		Nhóm II	23	23
		Nhóm III	2.795	1.031
		Nhóm IV	3.539	3.539
		Nhóm V	4.403	4.403
72	62-093	Trạm y tế xã Đắk Pxi	5.191	5.191
		Nhóm I	12	12
		Nhóm II	6	6
		Nhóm III	5.173	5.173
73	62-095	Trạm y tế xã Đắk Ui	6.240	6.482
		Nhóm I	19	19
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	6.075	6.318
		Nhóm IV	13	13
		Nhóm V	131	131
74	62-096	Trạm y tế xã Đắk Mar	4.403	4.403
		Nhóm I	10	10
		Nhóm II	24	24
		Nhóm III	1.705	1.705
		Nhóm IV	1.454	1.454
		Nhóm V	1.210	1.210
75	62-098	Trạm y tế xã Ngok Réo	5.164	5.164
		Nhóm I	12	12
		Nhóm II	5	5
		Nhóm III	5.147	5.147
76	62-099	Trạm y tế xã Hà Mòn	2.427	2.427
		Nhóm I	356	356
		Nhóm II	8	8
		Nhóm III	455	455
		Nhóm IV	759	759

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm V	849	849
77	62-100	Trạm y tế xã Đắc La	6.997	9.566
		Nhóm I	97	97
		Nhóm II	22	22
		Nhóm III	4.070	6.638
		Nhóm IV	831	831
		Nhóm V	1.978	1.978
78	62-101	Trạm y tế Thị trấn Sa Thầy	8.455	7.011
		Nhóm I	28	28
		Nhóm II	12	12
		Nhóm III	4.766	3.322
		Nhóm IV	1.645	1.645
		Nhóm V	2.004	2.004
79	62-103	Trạm y tế xã Sa Nhơn	2.410	2.410
		Nhóm I	21	21
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	524	524
		Nhóm IV	607	607
		Nhóm V	1.257	1.257
80	62-104	Trạm y tế xã Mô Rai	1.938	1.938
		Nhóm I	29	29
		Nhóm II	5	5
		Nhóm III	1.899	1.899
		Nhóm IV	4	4
		Nhóm V	1	1
81	62-105	Trạm y tế xã Sa Sơn	1.495	2.042
		Nhóm I	26	26
		Nhóm III	394	941
		Nhóm IV	412	412
		Nhóm V	663	663
82	62-106	Trạm y tế xã Sa Nghĩa	2.385	2.385
		Nhóm I	14	14
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	1.289	1.289
		Nhóm IV	273	273
		Nhóm V	808	808
83	62-107	Trạm y tế xã Sa Bình	5.143	5.143
		Nhóm I	43	43
		Nhóm II	2	2
		Nhóm III	5.096	5.096
		Nhóm IV	2	2

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
84	62-109	Trạm y tế xã Ya Tăng	1.626	1.626
		Nhóm I	4	4
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	1.619	1.619
		Nhóm V	2	2
85	62-110	Trạm y tế xã Ya ly	2.227	2.227
		Nhóm I	15	15
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	2.211	2.211
86	62-111	Trạm y tế xã Hơ moong	7.299	7.299
		Nhóm I	10	10
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	7.286	7.286
		Nhóm IV	1	1
		Nhóm V	1	1
87	62-112	Trạm y tế xã Ngọc Lây	1.783	1.783
		Nhóm I	78	78
		Nhóm II	5	5
		Nhóm III	1.700	1.700
88	62-113	Trạm y tế xã Đắk Na	2.947	2.947
		Nhóm I	92	92
		Nhóm II	9	9
		Nhóm III	2.846	2.846
89	62-114	Trạm y tế xã Măng Ri	2.038	2.038
		Nhóm I	79	79
		Nhóm II	6	6
		Nhóm III	1.953	1.953
90	62-115	Trạm y tế xã Ngọc Yêu	1.697	1.697
		Nhóm I	68	68
		Nhóm II	11	11
		Nhóm III	1.618	1.618
91	62-116	Trạm y tế xã Đắk Sao	3.388	3.388
		Nhóm I	102	102
		Nhóm II	17	17
		Nhóm III	3.269	3.269
92	62-119	Trạm y tế xã Tê Xăng	1.741	1.741
		Nhóm I	81	81
		Nhóm II	5	5
		Nhóm III	1.655	1.655
93	62-120	Trạm y tế xã Văn Xuôi	1.168	1.168
		Nhóm I	60	60

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	1.105	1.105
94	62-121	Trạm y tế xã Đắk Tô Kan	3.856	3.856
		Nhóm I	113	113
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	3.741	3.741
95	62-124	Bệnh xá tỉnh Đệi	1.364	1.364
		Nhóm I	36	36
		Nhóm II	4	4
		Nhóm III	14	14
		Nhóm V	1.311	1.311
96	62-126	Bệnh xá Sư đoàn 10 (D24F10)	5.577	5.174
		Nhóm I	295	295
		Nhóm II	49	49
		Nhóm III	125	125
		Nhóm IV	1.921	1.518
		Nhóm V	3.187	3.187
97	62-127	Bệnh viện ĐKKV Ngọc Hồi	7.321	7.321
		Nhóm I	1.982	1.982
		Nhóm II	604	604
		Nhóm III	4.718	4.718
		Nhóm IV	1	1
		Nhóm V	17	17
98	62-128	Trạm y tế xã Đắk Năng	1.908	1.908
		Nhóm I	27	27
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	931	931
		Nhóm IV	294	294
		Nhóm V	653	653
99	62-132	Bệnh xá Quân dân y Mô Rai/Binh đoàn 15	2.915	2.915
		Nhóm I	35	35
		Nhóm III	2.880	2.880
100	62-134	Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (Cơ sở 2)	1.316	1.436
		Nhóm I	15	15
		Nhóm III	337	457
		Nhóm IV	931	931
		Nhóm V	33	33
101	62-137	Phòng khám đa khoa khu vực Đắk Rve	4.318	4.318

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm I	7	7
		Nhóm II	187	187
		Nhóm III	4.075	4.075
		Nhóm IV	28	28
		Nhóm V	20	20
102	62-139	Phòng khám đa khoa khu vực Đăk Rơ Ông	4.372	4.372
		Nhóm I	133	133
		Nhóm II	14	14
		Nhóm III	4.225	4.225
103	62-140	Trung Tâm Y tế huyện Ia HDrai	2.956	2.956
		Nhóm I	2.878	2.878
		Nhóm II	46	46
		Nhóm III	31	31
		Nhóm V	1	1
104	62-142	Trạm Y tế xã Ia Dal	2.077	2.077
		Nhóm I	13	13
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	2.063	2.063
105	62-143	Trạm Y tế xã Ia Dom	1.812	1.812
		Nhóm I	8	8
		Nhóm III	1.804	1.804
106	62-144	Trạm Y tế xã Ia Toi	2.116	2.116
		Nhóm I	16	16
		Nhóm III	2.065	2.065
		Nhóm IV	26	26
		Nhóm V	10	10
107	62-146	Trạm Y tế xã Đăk Ngok	2.560	2.949
		Nhóm I	11	11
		Nhóm II	6	6
		Nhóm III	951	1.340
		Nhóm IV	520	520
		Nhóm V	1.072	1.072
108	62-147	Trạm Y tế phường Ngô Mây	3.452	3.452
		Nhóm I	31	31
		Nhóm II	10	10
		Nhóm III	1.225	1.225
		Nhóm IV	921	921
		Nhóm V	1.265	1.265
109	62-148	Trạm y tế xã Rờ Koi	5.722	5.722
		Nhóm I	17	17

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm II	2	2
		Nhóm III	5.700	5.700
		Nhóm V	3	3
110	62-149	Trạm y tế xã Đăk Rìng	2.108	2.108
		Nhóm I	66	66
		Nhóm II	3	3
		Nhóm III	2.039	2.039
		Nhóm V		
111	62-150	Trạm y tế xã Tu Mơ Rông	1.459	1.459
		Nhóm I	85	85
		Nhóm II	15	15
		Nhóm III	1.359	1.359
112	62-151	Trạm Y tế xã Ngọc Wang	5.369	5.369
		Nhóm I	55	55
		Nhóm II	6	6
		Nhóm III	5.274	5.274
		Nhóm IV	14	14
		Nhóm V	20	20
113	62-153	Trạm Y tế xã Mường Hoong	3.150	3.150
		Nhóm I	2	2
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	3.147	3.147
114	62-154	Trạm y tế xã Đăk Hring	8.914	8.914
		Nhóm I	116	116
		Nhóm II	17	17
		Nhóm III	8.515	8.515
		Nhóm IV	119	119
		Nhóm V	146	146
115	62-155	Trạm y tế xã Ya Xiêr	6.116	6.116
		Nhóm I	12	12
		Nhóm II	2	2
		Nhóm III	6.102	6.102
116	62-156	Trạm Y tế xã Đăk Dục	1.989	5.279
		Nhóm I	24	24
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III	1.021	4.310
		Nhóm IV	305	305
		Nhóm V	638	638
117	62-157	Trạm y tế xã Đăk Long	4.359	4.359
		Nhóm I	6	6
		Nhóm II	3	3

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB nhận đăng ký KCB ban đầu	Số thẻ ĐKBĐ tại thời điểm tháng 9/2021	Dự kiến số thẻ ĐKBĐ năm 2022
		Nhóm III	4.350	4.350
118	62-158	Phòng Khám Đa khoa Hà Nội-Kon Tum	5.059	6.635
		Nhóm I	213	631
		Nhóm II	6	6
		Nhóm III	47	97
		Nhóm IV	3	739
		Nhóm V	4.790	5.162
119	62-159	Phòng khám đa khoa và tiêm chủng Hạnh Tâm thuộc Công Ty TNHH MTV Y tế Hạnh Tâm	5.511	7.787
		Nhóm I	24	966
		Nhóm II	1	1
		Nhóm III		1.334
		Nhóm IV	263	263
		Nhóm V	5.223	5.223
119	62-160	Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An	91	7.671
		Nhóm I	71	2.959
		Nhóm II		
		Nhóm III	1	1.404
		Nhóm IV		1.266
		Nhóm V	19	2.042
Tổng cộng			453.604	493.993

Ghi chú:

- Số thẻ dự kiến phân bổ cho các cơ sở KCB năm 2022 ước tăng hơn so với quý 3/2021: 40.389 thẻ, do dự kiến phát triển tăng mới đối tượng tham gia BHYT (nhất là nhóm đối tượng giảm thẻ theo QĐ 861).

- Số thẻ trên chưa bao gồm các đối tượng do tỉnh khác phát hành thẻ có đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh Kon Tum./.